

Số: 11 /BC-SKHĐT

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 02 năm 2016

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 năm 2016

#### I/ Tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 năm 2016

##### 1/ Kinh tế

*Trồng trọt:* tính đến ngày 15/02/2016, Vụ lúa Đông xuân 2015-2016 toàn tỉnh đã xuống giống được 209.100 ha, đạt 103,5% kế hoạch, đã thu hoạch 93.268 ha<sup>1</sup> bằng 127,59% cùng kỳ năm trước và bằng 44,60% diện tích xuống giống, năng suất bình quân trên diện tích lúa đã thu hoạch ước đạt 65,0 tạ/ha. Phần lớn diện tích lúa còn lại đang trong giai đoạn trổ chín<sup>2</sup>; Vụ lúa Hè Thu 2016 toàn tỉnh đã xuống giống được 57.214 ha<sup>3</sup>, bằng 253,16% cùng kỳ năm trước.

*Chăn nuôi:* duy trì phát triển, không có dịch bệnh. Vịt chạy đồng đã xuất hiện trên diện tích lúa Đông Xuân thu hoạch sớm. Ngành thủy sản trong tháng diễn ra bình thường. Tuy nhiên từ ngày 04/02/2016 đến nay 08/02/2016 tại xã Long Thuận và Phú Thuận A xảy ra hiện tượng cá chết hàng loạt với thiệt hại như sau: Số hộ thiệt hại: 36 hộ, tổng số bè 106 bè; Sản lượng thiệt hại: 464 tấn với giá trị ước 14 tỷ đồng; Loại thủy sản: cá điêu hồng, rô phi, he, lăng nha,... Hiện ngành chức năng đang tìm hiểu nguyên nhân để hướng dẫn người dân có biện pháp phòng ngừa.

*Lâm nghiệp:* chuẩn bị cho công tác triển khai trồng cây phòng hộ ở các cụm, tuyến dân cư; triển khai trồng mới, tuyên truyền vận động, phòng chống cháy rừng.

Về thực hiện mục tiêu của *Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp*, trong tháng có Tập đoàn Dialog (Nga) đến tìm hiểu để đầu tư nhà máy chế biến xoài trên địa bàn Tỉnh với vốn đầu tư khoảng 2,5 triệu USD. Tỉnh sẽ hỗ trợ 30% (tối đa không quá 1 tỷ đồng) chi phí đầu tư hạ tầng vùng sản xuất VietGap.

*Giá trị sản xuất Công nghiệp* tháng 02 năm 2016 ước tính 4.544.755 triệu đồng (giá so sánh 2010), tăng 0,69% so với tháng 01 năm 2016 và tăng 18,76% so với cùng kỳ năm 2015; trong đó: ngành khai khoáng tăng 79,47%, chế biến chế tạo tăng 18,65%, sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 8,59%, cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,53%. So với

<sup>1</sup> Các huyện chủ yếu như: Huyện Tháp Mười, Huyện Cao Lãnh, Huyện Tân Hồng ...

<sup>2</sup> Giai đoạn đẻ nhánh 7.067 ha, làm đồng 10.828 ha, trổ chín 97.937 ha

<sup>3</sup> Các giống lúa chính gồm: OM4900, OM6976, OM4218, Jasmine85, VD20, OMCS2000, IR50404 ...

cùng kỳ năm trước một số sản phẩm duy trì được tăng trưởng khá: cát khai thác tăng 40,34%; cá phi lê tăng 11,26%; thức ăn gia súc, thủy sản tăng 36,39%; thuốc chứa penicilin hoặc kháng sinh khác dạng viên tăng 25,71%; miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự tăng 39,27%. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2016 giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh đạt 9.058.261 triệu đồng (giá so sánh 2010) tăng 9,05% so với cùng kỳ năm 2015.

Từ ngày 01/01/2016 tính đến ngày 22/02/2016 có: 67 doanh nghiệp thành lập mới (không tính chi nhánh, VPĐD), với tổng vốn đăng ký 196.439 tỷ đồng, 06 doanh nghiệp giải thể (không tính chi nhánh, VPĐD). Trong tháng 02/2016 cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 01 dự án với tổng số vốn đăng ký là 28 tỷ đồng. Lũy kế đến nay, tổng số dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư là 259 dự án với tổng số vốn đăng ký là 25.583 tỷ đồng.

Ước tính *tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng* trong tháng đạt 5.713 tỷ đồng, tăng 4,14% so với tháng trước và tăng 10,09% so với cùng kỳ năm 2015<sup>4</sup>. Tính chung 2 tháng đầu năm 2016 *tổng mức bán lẻ* ước đạt 11.200 tỷ đồng tăng 6,74% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, ngành Thương mại tăng 7,53%, khách sạn nhà hàng tăng 3,83%. Thực hiện tốt công tác bình ổn thị trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

*Kim ngạch xuất khẩu* trong tháng (không tính xăng dầu tái xuất) ước đạt 38.451 ngàn USD bằng 55,07% so với tháng 1-2016 và bằng 90,01% so cùng kỳ năm 2015. Tính chung 2 tháng đầu năm 2016 kim ngạch xuất khẩu ước đạt 108.276 ngàn USD (không tính xăng dầu tái xuất). *Kim ngạch nhập khẩu* trong tháng 02/2016 ước đạt 22.391 ngàn USD giảm 22,98% so với tháng trước, giảm 12,33% so với cùng kỳ năm 2015.

*Hoạt động vận tải* trên địa bàn tỉnh càng phát triển theo nhu cầu vận chuyển hàng hoá, đi lại của người dân. Tổng doanh thu vận tải và dịch vụ bốc xếp tháng 02 ước tính 113.898 triệu đồng, bằng 102,24% so với tháng trước và tăng 4,69% so với cùng kỳ năm 2015.

Ước tính *tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản* thuộc NSNN thực hiện tháng 02 là 328.342 triệu đồng, bằng 83,43% mức vốn tháng trước, và bằng 79,86% của cùng kỳ năm 2015. Trong đó, vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn nhà nước do Trung ương quản lý ước đạt 197.430 triệu đồng, giảm 25,15% so với tháng trước và giảm 30,16% so với cùng kỳ; vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 130.912 triệu đồng, tăng 0,87% so với tháng trước và tăng 1,92% so với cùng kỳ năm 2015.

---

<sup>4</sup> Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước ước tính 317 tỷ đồng, tăng 13,13% so với tháng trước và tăng 18,84% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế cá thể ước tính 3.804 tỷ đồng, tăng 5,08% so với tháng trước và tăng 4,18% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế tư nhân ước tính 1.592 tỷ đồng, tăng 0,40% so với tháng trước và tăng 21,41% so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến ngày 15/02/2016, *thu ngân sách trên địa bàn* ước đạt 797.466 triệu đồng, đạt 16,49% dự toán năm, bằng 154,85% cùng kỳ năm trước. Chi cân đối ngân sách đến ngày 15/02/2016 là 912.810 triệu đồng, đạt 12.56% so với dự toán, tăng 8,61% so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến ngày 29/02/2016, *tổng nguồn vốn huy động* của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước thực hiện đạt 26.120 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 2,93%; tổng dư nợ trên địa bàn ước thực hiện đạt 40.873 tỷ đồng, tăng 0,78% so với tháng trước.

*Hoạt động du lịch*, trong tháng đón hơn 643.000 lượt du khách (3.000 khách quốc tế), tăng 5% so với cùng kỳ năm 2015, với tổng doanh thu du lịch ước đạt 32 tỷ đồng, tăng 57% so với cùng kỳ năm 2015. Thành lập trung tâm sự nghiệp có thu nhằm khai thác, kêu gọi đầu tư xã hội hóa trong lĩnh vực du lịch và điều hành thực hiện các nhiệm vụ trong Đề án phát triển du lịch của tỉnh.

## **2/ Văn hóa - xã hội**

- Ngành giáo dục đào tạo đã tổ chức sơ kết học kỳ I năm học 2015-2016 và triển khai kế hoạch học kỳ II năm học 2015-2016. Trong học kỳ I năm học 2015-2016 quy mô giáo dục các bậc học, cấp học trong tỉnh tiếp tục được củng cố và phát triển; việc nâng cao chất lượng giáo dục được tập trung chỉ đạo thực hiện bằng các giải pháp thiết thực và hiệu quả; số lượng học sinh yếu, kém giảm so với cùng kỳ năm trước. Đồng Tháp có 19 học sinh giỏi cấp quốc gia năm 2016.

- Ngành Y tế phối hợp với các ngành có liên quan và các địa phương tăng cường công tác thanh tra và kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đồng thời tiếp tục chủ động phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán nhất là các bệnh về đường tiêu hóa, bệnh cúm. Tình hình dịch bệnh tính đến đầu tháng 02/2016 như sau: sốt xuất huyết 409 cas, bệnh tiêu chảy 1.142 cas, hội chứng tay, chân, miệng 219 cas, bệnh cúm 2.752 cas...

Trong tháng Tỉnh tổ chức phiên giao dịch việc làm lần thứ 2, có 22 đơn vị tham gia tuyển dụng và 440 lao động tham dự; Trung tâm dịch vụ, việc làm tỉnh tư vấn lao động, HSSV, việc làm, học nghề được 1.515 lượt người dự; có 256 lao động được giải quyết việc làm, đến nay toàn tỉnh có 432 người được giải quyết việc làm; có 42 người đi lao động nước ngoài, nâng tổng số đến nay có 97 người đi lao động nước ngoài (27 nữ). Trong tháng, Tỉnh đã ra quyết định cho 329 người hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng, với tổng số tiền đã chi là 2.529,83 triệu đồng. tổ chức đi thăm, tặng quà cho 22.621 hộ gia đình chính sách, đối tượng Người có công, với số tiền 11.128 tỷ đồng, nhân dịp Tết Bính Thân năm 2016...

- Hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao tập trung triển khai các hoạt động mừng Đảng-mừng Xuân Bính Thân 2016 và kỷ niệm 40 năm ngày thành lập tỉnh

Đồng Tháp, với nhiều hoạt động, đồng loạt diễn ra đều khắp các thành phố, thị xã, huyện... Tổ chức thành công Hội họp mặt Hội Đồng hương Đồng Tháp tại Thành phố Hồ Chí Minh...

- Trật tự an toàn xã hội: Theo số liệu thống kê của Ban an toàn giao thông Tỉnh từ ngày 16/12/2015 đến ngày 17/02/2016 toàn tỉnh đã xảy ra 26 vụ tai nạn giao thông, làm 27 người chết và bị thương 10 người, so với cùng kỳ năm trước giảm 01 vụ, giảm 02 người chết, bị thương giảm 06 người.

## II/ Nhiệm vụ trọng tâm tháng 3 năm 2016

Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao Kế hoạch phòng chống hạn, phòng chống cháy rừng, đảm bảo đủ nước cho cây trồng, nuôi trồng thủy sản. Theo dõi, chủ động thực hiện các biện pháp phòng trừ hiệu quả của các dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Theo dõi thường xuyên tình hình thu hoạch và tiêu thụ lúa Đông xuân 2015-2016, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho người dân.

- Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề, tạo việc làm, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội; trong đó: chú trọng thực hiện chương trình đưa lao động đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài.

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp; hoàn thành và ấn hành Sổ tay kêu gọi đầu tư trên địa bàn Tỉnh. Khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển du lịch năm 2016 của Tỉnh.

- Duy trì thường xuyên công tác đấu tranh trấn áp các loại tội phạm; kiểm soát an toàn giao thông; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 năm 2016, nhiệm vụ trọng tâm tháng 3 năm 2016 trên địa bàn Tỉnh./.

### Nơi nhận:

- Vụ KTĐP&LT;
- Vụ TH kinh tế QD } Bộ KH&ĐT;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ;
- VP UBND Tỉnh;
- VP Tỉnh Ủy;
- Cục Thống kê;
- BLĐ Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu VT, TH.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Hòa Châu



**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU  
THÁNG 02 NĂM 2016 - TỈNH ĐỒNG THÁP**

| CHỈ TIÊU   | Đơn vị    | KH 2016   | Ước TH               |                    | % 02 tháng so với |                   |
|--|-----------|-----------|----------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
|  |           |           | Tháng 02             | 02 tháng           | Cùng kỳ           | KH 2016           |
| A  | B         | 1         | 2                    | 3                  | 4                 | 5=3/1             |
| <b>1- Sản xuất nông nghiệp</b>   |           |           |                      |                    |                   |                   |
| a- Diện tích gieo trồng  |           |           |                      |                    |                   |                   |
| Lúa Đông Xuân 2015-2016  | ha        | 202.000   |                      | 209.100            | 102,10            | 103,51            |
| Lúa Hè thu 2016  | ha        | 185.000   | 57.214               | 57.214             | 253,16            | 30,93             |
| Lúa Thu đông 2016  | ha        | 120.000   |                      |                    |                   |                   |
| Hoa màu - Cây CNNN   | ha        | 45.584    |                      | 11.306             |                   | 24,80             |
| b- Sản lượng lúa   |           |           |                      |                    |                   |                   |
| Lúa Đông Xuân 2015-2016  | tấn       | 1.484.700 | 606.242              | 640.717            |                   | 43,15             |
| <b>2- Sản xuất CN-TTCN</b>   |           |           |                      |                    |                   |                   |
| a- Giá trị sản xuất (giá 2010)   | tỷ đồng   | 57.985    | 4.545                | 9.058              | 109,05            | 15,62             |
| - Công nghiệp khai khoáng  | tỷ đồng   | 280       | 24                   | 59                 | 109,56            | 21,07             |
| - Công nghiệp chế biến, chế tạo  | tỷ đồng   | 56.070    | 4.472                | 8.904              | 1.108,99          | 15,88             |
| - Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước | tỷ đồng   | 1.500     | 35                   | 69                 | 115,29            | 4,60              |
| - Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải        | tỷ đồng   | 135       | 13                   | 26                 | 111,63            | 19,26             |
| b- Sản phẩm chủ yếu  |           |           |                      |                    |                   |                   |
| - Cát khai thác  | 1000 m3   | 8.500     | 615                  | 1.384              | 119,24            | 16,28             |
| - Thủy sản chế biến  | tấn       | 265.000   | 23.717               | 42.267             | 111,37            | 15,95             |
| - Gạo xay sát, lau bóng  | tấn       | 2.650.000 | 150.200              | 310.406            | 101,56            | 11,71             |
| - Thức ăn gia súc, thủy sản  | tấn       | 1.750.000 | 154.661              | 307.773            | 121,33            | 17,59             |
| - Miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự                       | tấn       |           | 1.208                | 2.403              | 122,10            |                   |
| - Thuốc viên các loại  | 1000 viên | 3.200.000 | 285.000              | 534.000            |                   | 16,69             |
| <b>3- Kim ngạch XNK</b>  |           |           |                      |                    |                   |                   |
| a- Kim ngạch xuất khẩu   | tr.USD    | 780       | 42                   | 117                | 102,98            | 15,00             |
| Sản phẩm chủ yếu   |           |           |                      |                    |                   |                   |
| - Gạo  | tấn       | 200.000   | 2.800                | 9.802              | 41,27             | 4,90              |
| - Thủy sản đông lạnh   | tấn       | 290.000   | 12.958               | 35.909             | 112,33            | 12,38             |
| - Bánh kẹo vào các SP từ ngũ cốc                                       | tấn       |           | 655                  | 1.430              | 105,30            |                   |
| b- Kim ngạch nhập khẩu   | tr.USD    | 440       | 22                   | 51                 | 100,64            | 11,59             |
| Sản phẩm chủ yếu   |           |           |                      |                    |                   |                   |
| - Xăng dầu các loại  | tấn       | 500.000   | 32.120               | 79.060             | 121,40            | 15,81             |
| - Nguyên, phụ liệu SX tân dược, TB y                                   | tr USD    | 40,00     | 2,25                 | 4,46               | 118,63            | 11,15             |
| <b>4- Thu NSNN trên địa bàn</b>  |           |           |                      |                    |                   |                   |
| - Chi cân đối ngân sách  | tỷ đồng   | 4.836     |                      | 797                | 154,85            | 16,48             |
|  | tỷ đồng   | 7.269     |                      | 913                | 108,61            | 12,56             |
| <b>5- Chỉ số giá tháng 02/2016</b>                                     |           |           |                      |                    |                   |                   |
|  |           |           | Cùng tháng năm trước | Tháng 12 năm trước | Tháng trước       | Bình quân cùng kỳ |
| a. Chỉ số giá tiêu dùng  | %         |           | 100,80               | 100,11             | 100,07            | 100,79            |
| b. Chỉ số giá vàng   | %         |           | 93,94                | 101,06             | 102,89            | 93,94             |
| c. Chỉ số tỷ giá đô la Mỹ  | %         |           | 104,91               | 99,76              | 99,60             | 105,07            |